TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **555**/2023/HS-PT
Ngày: 29-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Ngọc Thái**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại Điểm cầu thành phần Hội trường xét xử, Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cơ sở tạm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh; địa chỉ: Khu T xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi), Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 525/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo có kháng cáo

Nguyễn Văn T; sinh ngày 01/10/1990, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn B và bà Mai Thị Kim H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/12/2012 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Văn T:Luật sư Nguyễn G-Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/11/2012, nhận được tin báo tại nhà ông Võ C ở thôn T, xã P, huyện Đ (N là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi bị kẻ gian đột nhập vào trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Q đã thành lập đoàn khám nghiệm, tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án, thu giữ dấu vết và các vật chứng của vụ án. Qua xác minh ban đầu xác định Nguyễn Văn T ở thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi là đối tượng có nhiều nghi vấn, Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Văn T đến trụ sở để xác minh làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn T đã khai nhận: Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 24/11/2012, T đi bộ qua nhà ông Võ C ở cùng thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Thấy nhà ông C không có ai ở nhà, nên T đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà ông C để trộm cắp. Tây đã đẩy cổng vào trong, khép cổng lại, tiến về phía cửa chính dùng tay xô vào cửa để chốt cửa bên trong rơi xuống nhưng không được nên T đi vòng qua cửa bếp phía sau bên phải nhà, dùng tay nắm hai cánh cửa rung nhiều lần làm chốt cửa bên trong nhà rơi xuống, T mở cửa, đi vào bên trong nhà rồi đóng cửa, chốt trên lại. Tây đi vào phòng khách nhìn thấy 01 tủ đứng bằng gỗ, T dùng tay giật mở 02 cánh cửa tủ để tìm, lấy trộm tài sản, nhưng do tủ khóa nên không mở được. Tây tiếp tục đi vào trong buồng nhà ngang, thấy 01 giường và 01 két sắt kê sát tường. T đã dùng tay vặn núm tròn khóa số của két sắt khoảng 3 - 4 lần nhưng không mở được nên đã mở cửa trước nhà ngang đi ra ngoài tìm vật dụng để phá két sắt. Thấy 01 cây xà beng để ở tường phía hông nhà bếp, cạnh giếng nước, T đã cầm xà beng đem vào trong nhà, dùng đầu nhọn xà beng chọc vào khe két sắt để phá két. Do chọc xà beng nhiều lần, không mở được nên T đã đi ra trước sân nhà tiếp tục tìm dụng cụ để phá két sắt thì thấy 01 hòn đá chẻ, T đã bê hòn đá vào trong nhà để xuống nền nhà, rồi dùng xà beng bẩy cho két sắt dịch ra xa tường, dùng tay đẩy két sắt ngã nằm xuống nền nhà. Tiếp đó, T đã lấy tấm vải ở gần két sắt bọc hòn đá rồi dùng 02 tay ôm hòn đá đập mạnh vào cửa két sắt khoảng 4 - 5 cái cho đến khi két sắt bị lún 01 góc cửa tạo ra khe hở thì T dùng xà beng đưa đầu nhọn vào khe hở nạy cửa sắt tạo thành lỗ rộng. Tây thò tay vào bên trong két lấy ra 01 hộp nhựa có đậy nắp. Do nghĩ là không có tài sản nên T để lại chiếc hộp nhựa này ở góc phải trên mặt két sắt. Sau đó tiếp tục thò tay vào bên trong lấy ra 01 túi ni lông màu đen, bên trong có nhiều tiền, loại mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng. Tây để túi tiền xuống nền nhà, rồi tiếp tục thò tay vào trong ngăn trên của két sắt lấy 01 túi ni lông màu đen khác, mở ra thấy có nhiều vàng miếng (Được bọc nhựa trong suốt). Khi đã lấy được nhiều tiền, vàng nên T không tiếp tục lục soát để lấy tài sản nữa mà vội gom tiền, vàng đã lấy, bỏ vào một túi ni lông rồi thoát ra ngoài bằng cửa chính nhà ngang. Khi đi đến bụi dứa ở cánh đồng phía sau nhà ông C, cách khoảng 52m về hướng Bắc, T đã giấu tiền và vàng vào đó rồi về nhà. Đến tối cùng ngày, T đi ra bụi dứa lấy túi tiền, vàng đem cất giấu trong bụi cây duối phía sau nhà. Đến ngày 28/11/2012, T đi ra bụi cây duối kiểm tra thì túi tiền,

vàng đã bị mất. (Bút lục 1146-1156, 1167-1172, 1183-1185, 1271-1273, 1290-1292, 1316-1323, 1332-1424).

Theo các bị hại khai số tài sản bị mất gồm 120.000.000 đồng Việt Nam và 24 cây vàng SJC. Trong đó, có 97.000.000 đồng là tiền của anh Võ Văn T1 (Con ông C) gửi và 23.000.000 đồng là tiền lương của bà Đỗ Thị T2 (Sinh năm 1937, cán bộ hưu trí, trú tại Thành phố Hồ Chí Minh) nhờ ông C nhận; số vàng bị mất là của anh Võ Trung T3 (Con ông C) gửi.

Ngày 04/3/2013, Sở Tài chính tỉnh Q có Công văn số 480/STCQLGCS, xác định: Thời điểm xảy ra vụ án ngày 24/11/2012 trị giá vàng SJC giá mua vào là 4.700.000 đồng/chỉ, bán ra là 4.780.000 đồng/chỉ. Căn cứ văn bản xác định giá vàng của Sở Tài chính tỉnh Q xác định 24 lượng vàng SJC có giá trị 1.147.200.000 đồng (Bút lục 60-61).

Tổng số tài sản gia đình ông C bị mất trộm tại thời điểm năm 2012 là 1.267.200.000 đồng.

Sau khi xảy ra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Q đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Kết thúc điều tra vụ án, Cơ quan điều tra kết luận có đủ căn cứ chứng minh Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông Võ C; Viện kiểm sát có Cáo trạng quyết định truy tố Nguyễn Văn T để xét xử về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 31/10/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T chối tội, kêu oan, không thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhà ông Võ C và khai thời điểm xảy ra vụ án khoảng sáng ngày 24/11/2012, T không có mặt tại hiện trường vụ án mà đến lò gạch nhà ông Q, ở xóm B, thôn T, xã P, huyện Đ. Kết quả xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử đánh giá đủ căn cứ chứng minh Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông Võ C, tuyên phạt 15 năm tù.

Bị cáo tiếp tục kháng cáo kêu oan, ngày 05/5/2014 Tòa phúc thẩm tại Đà Nẵng đã quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, kết quả xét xử thấy có đủ căn cứ chứng minh Nguyễn Văn T phạm tội nên giữ nguyên Bản án sơ thẩm, xử phạt Nguyễn Văn T 15 năm tù (Bút lục 368-374; 457-460).

Sau khi xét xử phúc thẩm, Nguyễn Văn T tiếp tục có nhiều đơn khiếu nại kêu oan. Ngày 25/02/2021, Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm ngày 05/5/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng. Ngày 12/11/2021, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ra Quyết định hủy Bản án hình sự phúc thẩm ngày 05/5/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và Bản án hình sự sơ thẩm ngày 31/10/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để điều tra lại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ C1 đã tiến hành điều tra lại vụ án, kết quả đã điều tra làm rõ những nội dung yêu cầu điều tra lại cụ thể như sau:

Trong giai đoạn điều tra lại, ban đầu Nguyễn Văn T tiếp tục kêu oan, không nhận tội; đến ngày 26/8/2022, Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận: Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 24/11/2012, T đã đột nhập vào nhà ông Võ C ở cùng thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cạy phá két, trộm cắp tài sản của gia đình ông Võ C như nội dung vụ án đã nêu trên. Nguyễn Văn T khẳng định, những lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra sơ thẩm và giai đoạn điều tra lại là tự nguyện không có ai hướng dẫn, không bị ép cung, bức cung. Lý do Nguyễn Văn T chối tội là vì lo sợ khi chấp hành xong hình phạt về không có tiền trả ông C. Khi chối tội, T khai thời điểm nhà ông C bị mất tài sản, T đến lò gạch nhà ông Q, ở xóm B, thôn T, xã P, huyện Đ là không có thật, nhằm tạo chứng cứ ngoại phạm. Tây mong muốn được gia đình khắc phục hậu quả cho ông Võ C để được hưởng khoan hồng của pháp luật. (Bút lục 1332-1344).

Cơ quan điều tra tổ chức cho Nguyễn Văn T thực nghiệm điều tra theo lời khai nhận tội của bị cáo, tự diễn tả lại hành vi đột nhập vào nhà ông C, tìm nhặt hòn đá, xà beng. Sau đó, dùng miếng vải bọc hòn đá chẻ đập vào cánh tủ két sắt nhằm không tạo tiếng động lớn và không có mảnh vụn của đá dính bám trên bề mặt két sắt, sợi vải bám dính trên hòn đá chẻ; dùng mũi xà beng cậy ngăn bên trên của két sắt tạo khe hở, sau đó thò tay vào trong ngăn kéo két sắt lấy tài sản. Kết quả phù hợp với lời khai nhận tội của T và bản ảnh diễn biến hiện trường vụ án, vật chứng thu giữ (Bút lục 1097-1098).

Về nguồn gốc số tài sản của gia đình ông C đã bị Nguyễn Văn T chiếm đoạt, kết quả đến nay xác định: Trong tổng số tiền bị mất, có 97.000.000 đồng là tiền của anh Võ Văn T1 (Con ông C) gửi; 23.000.000 đồng là tiền lương của bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1937, cán bộ hưu trí, trú tại Thành phố Hồ Chí Minh nhờ ông C nhận; còn lại số vàng bị mất là của anh Võ Trung T3 (Con ông C) gửi.

Về việc truy tìm số tài sản bị Nguyễn Văn T chiếm đoạt: Theo Nguyễn Văn T khai sau khi đột nhập vào gia đình ông C chiếm đoạt được tiền, vàng, T đem ra cất giấu trong bụi cây duối phía sau nhà T, nhưng sau đó bị mất. Cơ quan điều tra đã áp dụng nhiều biện pháp xác minh truy tìm nhưng đến nay không tìm được để thu giữ trả lại cho người bị hại.

Từ những nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2023/HS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Áp dụng vào điểm a khoản 4 Điều 173; các điểm s, u khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (14/12/2012).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 15/9/2023, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi và tội danh như Toà án cấp sơ thẩm xét xử là đúng. Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; hình phạt 12 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt, không nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo nhận thức pháp luật thấp, không có tiền án, tiền sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Người bào chữa và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi và tội danh như Toà án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt.

[2] Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T: Sau khi điều tra lại và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án nên đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 24/11/2012, Nguyễn Văn T lén lút vào nhà ông Võ C ở thôn T, xã P, huyện Đ (N là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi đập phá két sắt, chiếm đoạt 120.000.000 đồng và 24 lượng vàng SJC. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt tại thời điểm năm 2012 là 1.267.200.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện vào năm 2012 nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, vì mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định nhẹ hơn mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, để áp dụng có lợi cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/7/2017 của Quốc hội. Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội

"Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: Sau khi điều tra lại, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong gia đoạn sơ thẩm bị cáo đề nghị gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại; trong thời gian tạm giam tại Trại tạm giam Bộ C1, Nguyễn Văn T đã lập công, kịp thời phát hiện, ngăn chặn bị can cùng buồng giam tự sát và được Trại tạm giam khen thưởng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Từ đó Toà án cấp sơ thẩm xử bị cáo khởi điểm của khung hình phạt là có căn cứ và phù hợp. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không được chấp nhận.

Ý kiến mà Luật sư đưa ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Toà án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng. Còn ý kiến về nhận thức pháp luật thấp thì không chấp nhận vì trình độ học vấn của bị cáo là 10/12, mặt khác bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì không thể xem là nhận thức pháp luật thấp. Về áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, Điều luật quy định *"Toà án có thể quyết định..."*, trong trường hợp này, Toà án không thể áp dụng Điều 54, vì tính chất hành vi, hậu quả của vụ án, số tiền mà bị cáo chiếm đoạt rất lớn.

Từ phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; hình phạt tuyên đối với bị cáo tương xứng với tích chất hành vi và hậu quả của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng vào điểm a khoản 4 Điều 173; các điểm s, u khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) năm tù, về tội " Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (14/12/2012).

2. Về án phí phúc thẩm hình sự: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và c điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV "Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường